

Bản án số: 242/2020/HSPT

Ngày: 07/9/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Long;

Bà Lê Thu Hương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 9 và ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 131/2020/HSPT ngày 19/6/2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1984; giới tính: Nữ; ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 17, phường BC, thành phố LC, tỉnh LC; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Viết B và bà Trần Thị Hà P; chồng là Ngô Trí N (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Tùng L và Luật sư Hà Minh H - Công ty Luật Hợp danh N H - Đoàn Luật sư thành phố HN.

Địa chỉ: 61 NH, Quận TX, thành phố HN (có mặt).

Người bị hại không kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S, 1982 (vắng).

Địa chỉ: SN 31 NT, phường NN, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Thanh S sinh năm 1982, HKTT tại SN 31 NT, phường NN, thành phố Thanh Hóa, tạm trú tại phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố

Hà Nội có người em kết nghĩa là Trịnh Đức B, sinh năm 1990, HKTT tại SN 09 tổ 4 TX I, NTH, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa có nhu cầu xin việc làm trong khối cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội, gia đình anh B có đặt vấn đề nhờ anh S giúp đỡ.

Thông qua bạn là Trần Thị Vân H, sinh năm 1983, trú tại P410, nhà T1, TX Bắc, quận TX, thành phố Hà Nội giới thiệu, anh S gặp Nguyễn Thị Tuyết N, N nói với anh S là có nhiều mối quan hệ nên có thể xin được cho Trịnh Đức B vào làm việc tại Sở Tư pháp thành phố Hà Nội với chi phí 350.000.000đ, đưa trước 100.000.000đ và hồ sơ xin việc, sau 03 tháng sẽ có Quyết định tuyển dụng. Anh S đã đưa cho N bộ hồ sơ xin việc mang tên Trịnh Đức B, đồng thời điện thoại cho bà Lê Thị A (mẹ Trịnh Đức B), sinh năm 1960, trú tại 09 tổ 4 TX, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa trao đổi và cho bà A số tài khoản của Nguyễn Thị Tuyết N để bà A chuyển tiền.

Ngày 01/6/2018, bà Lê Thị A đến Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa chuyển cho Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 100.000.000đ theo STK 1952.555.888.8888 - Techcombank Ba Đình, thành phố Hà Nội, “Nội dung: Nguyễn Thanh S chuyển tiền”, sau khi N nhận được tiền, anh S nhờ H đến gặp N bảo N viết giấy biên nhận.

Đến ngày 10/6/2018, anh S về Thanh Hóa, bà Lê Thị A đến gặp và đưa cho Anh S số tiền còn lại 250.000.000đ, số tiền này Anh S đã đưa cho Nguyễn Thị Tuyết N làm ba lần (gồm 02 lần chuyển khoản, mỗi lần 50.000.000đ vào STK 1952.555.888.8888 - Techcombank Ba Đình, thành phố Hà Nội của N và 01 lần đưa trực tiếp cho N 150.000.000đ). Toàn bộ số tiền này N đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Sau 05 tháng không thấy có Quyết định tuyển dụng, anh S nhiều lần gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Tuyết N, nhưng N khất lần này qua lần khác nên tháng 11/2018, anh S nhắn tin yêu cầu N trả lại số tiền 350.000.000đ, ngày 05/12/2018 anh S đến nhà Nguyễn Thị Tuyết N, N viết và đưa cho anh S 01 tờ SEC Ngân hàng TMCP Á Châu ACB, nội dung ghi yêu cầu trả cho Trần Thị Vân H số tiền 350.000.000đ có chữ ký và con dấu của Công ty TNHH Quán Tây Bắc do N làm Giám đốc, chị H đến Ngân hàng rút tiền không được vì SEC không có giá trị, đến ngày 09/01/2019, Anh S đến Cơ quan CSĐT Công An Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nộp đơn tố cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đầu tháng 4/2019, N đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 200.000.000đ và ngày 27/7/2019 N trả cho Anh S số tiền còn lại là 150.000.000đ, anh S đã có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị Tuyết N.

Tại bản án sơ thẩm số 100/2020/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã Quyết định:

Tuyên bố: Nguyễn Thị Tuyết N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Tuyết N 05(năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 15/7/2019 bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N có đơn kháng cáo với nội dung:
Xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan và đề nghị triệu tập bổ sung nhân chứng là Anh Lê Huyền A.

Các Luật sư bào chữa của bị cáo cho rằng: Trong vụ án này xác định người bị hại là Anh Nguyễn Thanh S là đúng, tuy nhiên sự việc xảy ra tại Quận Từ Liêm, Hà Nội nên thẩm quyền điều tra phải là Cơ quan CSĐT Công an Quận Từ Liêm, nhưng Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa thụ lý là không đúng thẩm quyền. Mặt khác, về bản chất của vụ án là quan hệ dân sự vì N không có ý định chiếm đoạt tiền của anh S mà chỉ nhận lời giúp bạn của mình là chị H, việc N yêu cầu anh S đưa số tiền 350.000.000đ chỉ là để làm tin khi xong việc phải cảm ơn, khi anh S có đơn tố cáo, trong khi chưa được cơ quan nào giải quyết thì N đã trả lại 200.000.000đ và sau đó tiếp tục trả lại hết số tiền còn lại. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm và tuyên Nguyễn Thị Tuyết N không phạm tội.

Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trẢnh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N làm trong thời hạn quy định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, việc bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo sang kháng cáo kêu oan phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét.

Xem xét việc bị cáo và các Luật sư đề nghị triệu tập người làm chứng là Lê Huyền A thấy rằng: Bị cáo không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Lê Huyền A (chỉ biết ở Linh Đàm, Hà Nội). Mặt khác, trong suốt quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm bị cáo không khai nại gì đến người có tên Lê Huyền A mà tại phiên tòa phúc thẩm mới khai nại là sau khi nhận tiền của S để xin việc cho B, bị cáo có hỏi Lê Huyền A (làm nghề tư vấn du học) và được hướng dẫn cứ nộp hồ sơ vào Sở Tư Pháp Hà Nội, nhưng bị cáo không chứng minh được việc đã nộp hồ sơ và cũng không đưa khoản tiền nào cho Huyền A. Do đó xác định người này không liên quan và cũng không có địa chỉ

để hoãn phiên tòa triệu tập bổ sung người làm chứng gây kéo dài thời gian giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N:

Tại khoản 4 Điều 163 Bộ luật tố tụng hình sự có quy định: “...việc điều tra thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cư trú hoặc bị bắt”.

Ngày 09/01/2019, sau khi tiếp nhận đơn tố cáo của anh Nguyễn Thanh S đối với hành vi lừa đảo của N, do xác định bà Lê Thị A (mẹ của B) là bị hại (vì bà A là người chuyển khoản 100.000.000đ cho N tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thanh Hóa), do đó ngày 24/1/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây gọi tắt là CQCSĐT) Công an Quận Bắc Từ Liêm đã có Phiếu chuyển đơn tố cáo của Anh S đến CQCSĐT Công an thành phố Thanh Hóa theo thẩm quyền. Sau khi xác định Anh S là bị hại, còn bà A chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ngày 29/3/2019 VKSND thành phố Thanh Hóa có Phiếu chuyển lại đơn tố cáo của anh S đến CQCSĐT Công an Quận Bắc Từ Liêm và thông báo cho VKSND Quận Bắc Từ Liêm để kiểm sát việc điều tra. Ngày 16/4/2018, CQCSĐT Công an Quận Bắc Từ Liêm có Phiếu chuyển lại đơn tố cáo của anh S đến VKSND thành phố Thanh Hóa, vụ án được CQCSĐT Công an thành phố Thanh Hóa tiếp tục điều tra là chưa đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó các Luật sư cho rằng thẩm quyền điều tra phải thuộc CQCSĐT Công an Quận Bắc Từ Liêm là đúng.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thanh Hóa đã đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các quyền của bị can, bị cáo đã được đảm bảo và N cũng không có bất cứ khiếu nại thắc mắc gì về các Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của CQCSĐT và VKSND thành phố Thanh Hóa. Do đó việc hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cho VKSND Quận Bắc Từ Liêm thực hiện điều tra lại là không cần thiết và không làm thay đổi được bản chất của vụ án, song cũng cần rút kinh nghiệm đối với các Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thanh Hóa.

[3] Xét nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo, thấy rằng:

Mặc dù không có chức năng tuyển dụng lao động, cũng không có khả năng xin cho người khác vào biên chế nhà nước. Nhưng thông qua Trần Thị Vân H, biết Anh Nguyễn Thanh S, ở phường NN, thành phố Thanh Hóa, tạm trú ở TX Bắc, Quận TX, thành phố Hà Nội đang muốn xin cho em kết nghĩa là Trịnh Đức B (vừa Tốt nghiệp Đại học Luật) vào làm việc trong các Cơ quan nhà nước tại thành phố Hà Nội, bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối làm cho Anh S tin tưởng rằng bị cáo là người có khả năng và sẽ xin được cho B vào Sở Tư pháp thành phố Hà Nội với chi phí 350.000.000đ, đồng thời cung cấp số tài khoản cho S. Anh S đã đưa cho N hồ sơ xin việc mang tên Trịnh Đức B và thông báo cho bà Lê Thị A (mẹ của B chuẩn bị tiền). Ngày 21/6/2018, bà Lê Thị A đã chuyển cho N qua STK 1952.555.888.8888-Techcombank, Ba Đình, thành phố Hà Nội số tiền

100.000.000đ, N viết giấy biên nhận, nội dung xin việc cho B vào Bộ Tư Pháp, trong vòng 03 tháng nếu không có Quyết định tuyển dụng sẽ hoàn trả lại tiền. Tiếp theo đó bà A đưa cho anh S 250.000.000đ còn lại, S đã chuyển khoản cho N 02 lần, mỗi lần 50.000.000đ và đưa 150.000.000đ tiền mặt. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không làm gì để xin việc cho B và cũng không đưa tiền cho ai. Quá trình điều tra có lúc bị cáo khai đã nộp hồ sơ của B vào Sở Tư Pháp Hà Nội qua Bưu điện, lúc khai nhờ xe Grab đi nộp, nhưng không xuất trình được Phiếu nhận hồ sơ. Tổng số tiền nhận được 350.000.000đ bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi hết thời hạn 03 tháng như cam kết nhưng B không được đi làm, bị cáo tìm cách trì hoãn, khất lần và đưa ra nhiều lý do khác nhau. Cho đến ngày 05/11/2018 sau khi bị Anh S thúc dục, nhắn tin đòi lại tiền nhiều lần thì bị cáo trì hoãn B cách viết cho chị Trần Thị Vân H 01 tờ SEC tại Ngân hàng TMCP Á Châu, số tiền 350.000.000đ, có chữ ký, con dấu của Công ty TNHH Quán Tây do bị cáo làm Giám đốc để H đi rút tiền cho S, nhưng thực chất tờ SEC không có giá trị, do đó đến tháng 01/2019 Anh S làm đơn tố cáo N đến Công an Quận Bắc Từ Liêm.

Với hành vi nêu trên, bị cáo đã bị truy tố, xét xử về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung theo điểm a khoản 3 Điều 197 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oA.

Trong quá trình điều tra, xét xử, có lúc bị cáo khai số tiền đó chỉ để trong két để làm tin, lúc khai có sử dụng để mua thuốc, tại cấp phúc thẩm lại khai đã sử dụng số tiền đó để kinh doanh. Tuy nhiên thực tế ngay từ đầu bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối để bị hại tin tưởng bị cáo là người có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin được cho B vào cơ quan nhà nước nên mới giao số tiền lớn để được việc cho người thân. Mặc dù không thực hiện được lời hứa, nhưng bị cáo không trả lại tiền mà tìm cách trì hoãn bằng nhiều lý do, sau thời gian kéo dài, bị hại liên tục thúc dục đòi tiền, dọa đưa đến pháp luật và sau khi bị hại có đơn tố cáo gửi đến Công A thì bị cáo mới trả lại 200.000.000đ. Mặt khác việc nhận tiền để chạy biên chế bị pháp luật nghiêm cấm, không thể coi đó là giao dịch dân sự. Việc bị cáo khắc phục hoàn trả lại tiền cho bị hại trong giai đoạn điều tra và được bị hại có đơn xin bãi nại chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt, chứ không phải là căn cứ để cho rằng bị cáo không có ý định chiếm đoạt như quan điểm bào chữa của các Luật sư. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận đề nghị của các Luật sư tuyên bị cáo không phạm tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm sở hữu của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận. Khi quyết định hình phạt, bị cáo đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là: Thành khẩn khai báo; đã khắc phục bồi thường đầy đủ và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt (điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự) nên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xử dưới khung với mức án 05 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết gì mới, mặt khác bị cáo không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét.

[6] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 342; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án số 100/2020/HSST ngày 8/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về tội danh, hình phạt.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Tuyết N 05 (năm) tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAD cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAD TP. Thanh Hóa;
- Công A TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh